

TÁC ĐỘNG CỦA SỰ ĐỔI MỚI ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA MÔNG PHỤ - ĐƯỜNG LÂM

BẾ VIẾT ĐĂNG

LTS. Đây là những tài liệu nghiên cứu từ những năm đầu của thập kỷ 90. Hiện nay, tình hình đã có nhiều biến đổi

Sự phát triển Việt Nam trong thời hiện đại là độc lập dân tộc luôn gắn liền với con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa - độc lập - Tự do, Hạnh phúc. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội luôn là những mục tiêu cơ bản trước mắt, lâu đời và là động lực thường xuyên gắn bó chặt chẽ với nhau trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Song, Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, cho nên đặc điểm nổi bật của nó đã được khẳng định là: Không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (xét về hình thái kinh tế - xã hội). Tương tự như những nơi khác vùng trung du và đồng bằng sông Hồng, làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây cũng mang những đặc điểm chung về kinh tế - xã hội như trên.

Xã Đường Lâm cũng như những nơi khác ở vùng trung du và đồng bằng Bắc Bộ, trong những năm 1954-1958 công cuộc khôi phục kinh tế, trước hết là phát triển sản xuất nông nghiệp từ các hộ nông dân đã được đẩy mạnh một cách thực sự. Tháng 5 năm 1955 chính phủ ban hành 8 chính sách khuyến khích kinh tế nông dân: bảo hộ quyền sở hữu ruộng đất, bảo hộ tài sản của nông dân và các tầng lớp khác ở nông thôn; khuyến khích khai hoang phục hóa (khai hoang miễn thuế 5 năm, phục hóa miễn thuế 3 năm); miễn thuế do thâm canh tăng vụ; khuyến khích các hình thức đổi công hợp tác; khuyến khích phát triển nghề phụ nông thôn; nghiêm cấm phá hoại sản xuất, khen thưởng những hộ làm ăn giỏi... Bộ mặt nông thôn trong những năm khôi phục kinh tế sau chiến tranh đã có những điều kiện khởi sắc nhanh chóng.

Cuộc cải cách ruộng đất thực hiện vào năm 1955 ở miền Bắc đã thay đổi nhiều tình cảnh người nông dân, xoá bỏ các hình thức và các quan hệ bóc lột ở nông thôn, phát triển kinh tế hộ gia đình và các tổ đổi công như là kiểu tổ chức sản xuất chủ yếu đối với người nông dân. Kết quả của những thay đổi đó đã đưa sản xuất nông nghiệp năm 1957 vượt năm 1939 là năm đạt mức cao nhất trước chiến tranh, nông sản nhiều, đời sống quần chúng được cải thiện rõ rệt, trong đó có làng Mông Phụ xã Đường Lâm.

Tuy nhiên sự phát triển kinh tế hộ gia đình cũng như các tổ đổi công hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình chỉ trong một thời gian ngắn, ở Mông Phụ - Đường Lâm chỉ trong 3 năm 1956-1958. Đứng trước tình hình sản xuất nhỏ, manh mún, bình quân hộ lúc đó chưa đến 0,4 ha đất canh tác, sự phân hóa giàu nghèo

giữa các hộ nông dân diễn ra nhanh thì hợp tác hóa nông nghiệp (mang tính chất tập thể hóa) đã nhanh chóng được coi và trở thành hình thức chủ yếu của sự phát triển sản xuất - kinh tế, thay thế cá thể kinh tế với tính chất là đơn vị kinh tế cơ sở đang trưởng thành.

Ở Đường Lâm, hợp tác xã được xây dựng thí điểm từ năm 1959, đến năm 1960 đã có 12 hợp tác xã trồng lúa và 1 hợp tác xã trồng rau. Ở thời kỳ hợp tác xã qui mô thôn, Mông Phụ gồm 6 đội sản xuất; nó vẫn là hợp tác xã bậc thấp, nghĩa là những người tham gia hợp tác còn được hưởng hoa lợi ruộng đất theo qui định. Năm 1964, Đường Lâm tiến hành xây dựng hợp tác xã bậc cao, trong đó các thôn: Mông Phụ, Phụ Khang, Đông Sàng, Cam Thịnh mỗi nơi một hợp tác xã, còn các thôn Đoài Giáp và Cam Lâm, Hà Tân và Hưng Thịnh, hai thôn thành lập một hợp tác xã. Ban quản trị các hợp tác xã thôn thường gồm 7 người: Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, các uỷ viên kế toán, kế hoạch, chăn nuôi, văn hóa - xã hội và ngành nghề. Về sau hợp tác xã toàn xã Đường Lâm cũng gồm 7 uỷ viên, song lại có 21 đội sản xuất, trồng trọt xã 3 đội ngành nghề: gạch, mây tre đan, chăn nuôi và thuỷ sản; ở mỗi đội đều có đội trưởng, đội phó và kế toán.

Đường Lâm là một hợp tác xã tiến tiến miền Bắc, nhiều năm đạt năng suất, sản lượng lúa và hoa màu khá, tích cực áp dụng những biện pháp khoa học - kỹ thuật và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước. Đến năm 1964 đất đai được tưới tiêu đều hơn nhờ 3 trạm bơm điện. Năng suất lúa tăng gần 30% so với trước. Trại chăn nuôi có 300 lợn phần lớn là lợn nái, có 340 trâu bò cày kéo. Trong trồng trọt ngoài lúa còn có ngô, khoai, sắn, lạc, thuốc lá. Riêng thuốc lá thường đạt diện tích 70 ha, sản lượng 72 tấn. Hợp tác xã toàn xã năm 1974 cũng đã mua được 1 máy kéo, 1 ô tô vận tải, 3 máy nghiền thức ăn cho gia súc, 4 bình bơm thuốc trừ sâu, xây dựng được các kho và sân phơi ở các thôn, các đội sản xuất...

Thực tế, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã đạt được những bước tiến mới về sản xuất, đảm bảo đời sống, có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp giải phóng đất nước lâu dài và gian khổ về sức người sức của cho tiền tuyến; đồng thời xây dựng hậu phương luôn vững chắc. Nhưng việc nhanh chóng xóa bỏ kinh tế hộ gia đình, các hình thức sản xuất khác ở nông thôn thay vào đó là các hình thức hợp tác xã (chủ yếu là tập thể hóa) đã gây ra những đảo lộn nhất định trong sản xuất. Sự chuyển đổi về quản lý sản xuất - kinh tế sau chiến tranh không kịp thời. Trong các hợp tác xã, công tác quản lý gặp nhiều khó khăn do tập thể hóa cao trên 80% của toàn bộ công việc sản xuất - kinh tế, qui mô của nó lớn, đồng thời lại phải đảm bảo mọi mặt đời sống kinh tế, xã hội: từ điều hành sản xuất các khâu cày cấy, thuỷ lợi, giống lúa, thuế đến ăn chia phân phối, phúc lợi xã hội, nhà trẻ, trường học, văn nghệ. Trong khi đó càng về sau xã viên càng chỉ chú ý đến tăng công điểm để thu nhập khá hơn không quan tâm nhiều đến hiệu quả của các công việc nên hợp tác xã đã không tận dụng được sức lao động làm cho năng suất cây trồng thấp, không phát huy được những điều kiện vật chất đang có, nhiều khi không làm kịp thời vụ.

Nguyên nhân chính của tình trạng đó có lẽ là do phân phối bình quân. Người nông dân ngày càng xa rời đối tượng sản xuất của mình là ruộng đất hợp tác xã, không háng hái tham gia lao động sản xuất nên đã quy về chăm lo kinh tế phụ gia đình. Tuy chỉ với 5% đất đai còn lại, ở Mông Phụ cũng như cả xã Đường Lâm là đất bãi và với những ngành nghề, những công việc hợp tác xã không quản lý, người ta đã thu nhập quá nửa ngân sách gia đình, nhiều nơi là 2/3 còn kinh tế tập thể chỉ 1/3 hoặc chỉ là một nửa.

Hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp mang tính tập thể cao, thậm chí mang tính chất nhà nước trong thực tế đã không thích hợp với trình độ sản xuất hiện nay, nguyện vọng của người nông dân, không được đồng đảo những người nông dân hưởng ứng, nhất là khi các nguyên tắc cơ bản của nó là: tự nguyện, quản lý dân chủ, cùng có lợi, nhưng đã bị vi phạm, đã dẫn đến những trì trệ trong sản xuất nông nghiệp. Những trì trệ đó trong những năm 1979-1980 đã làm cho nhiều hợp tác xã tan vỡ và hình thức kinh tế hộ chế độ khoán trong các hợp tác xã đã xuất hiện nhanh chóng. Thực ra, vào giữa những năm 60 hình thức khoán tương tự như vậy đã xuất hiện ở Vĩnh Phú, nhưng đã bị chặn lại để bảo vệ chế độ hợp tác xã mang tính tập thể. Đáng lưu ý là năm 1981 khi nhiều nơi đã thực hiện khoán nhóm lao động, thậm chí khoán hộ, nhưng Đường Lâm lại chỉ hợp nhất các hợp tác xã mua bán, tiểu thủ công nghiệp, tín dụng thành hợp tác xã nông, công, thương, tín với mong muốn hợp tác xã vượt qua những khó khăn của nó bằng cách làm ăn khép kín. Chế độ khoán mới theo chỉ thị 100 của Ban bí thư trung ương Đảng mà hộ nông dân đảm nhiệm 3 khâu trong 8 khâu sản xuất nông nghiệp được thực hiện muộn ở Đường Lâm mới từ vụ mùa 1986 và vụ đông xuân năm 1987. Ở thời kỳ này cả hợp tác xã chia thành 80 nhóm lao động, riêng Mông Phụ có 19 nhóm, chia theo các ngõ cư trú. Ở đây việc khoán nhóm lao động bộc lộ những nhược điểm mới: số lượng nhóm trưởng nhiều, mức khoán cao nên người nông dân chỉ nhận được khoảng 30% sản phẩm mình làm ra, quan trọng còn là khoán nhóm vẫn chưa thực sự gắn người lao động với đất đai, khoán vẫn tính theo công điểm, cho nên bên cạnh một số nhóm vượt mức khoán, nhiều nhóm không đạt mức có trình trạng là cày cấy chậm, thậm chí gặt cũng chậm. Khoán 100 tuy có một bước tiến so với hình thức tổ chức sản xuất của hợp tác xã trước đây, song vẫn chưa đáp ứng được nguyện vọng người nông dân là thực sự có quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Tính cấp bách đang đặt ra trong phạm vi lớn và cơ bản là cần nhanh chóng áp dụng những biện pháp nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, xóa bỏ những bất hợp lý trong sản xuất kinh doanh, giải quyết đúng đắn những nguyện vọng người nông dân. Nghị quyết 10 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam tháng 4 năm 1988 và nghị quyết hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 6 (khóa VI) tháng 3 năm 1989 đã thừa nhận sự tồn tại bình đẳng và lâu dài của các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể tư nhân, cá thể; hoàn thiện

khoán đến hộ nông dân, ổn định lâu dài diện tích giao khoán từ 10-15 năm, đối với cây hàng năm và từ 1 đến 2 chu kỳ kinh doanh đối với cây dài ngày với mức khoán trong 5 năm, khuyến khích ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, có nhiều hình thức sở hữu trong các hợp tác xã, hộ xã viên là kinh tế tự chủ.

Khoán 10 được thực hiện ở Đường Lâm vào cuối năm 1989. Lúc đầu hợp tác xã tiến hành khoán theo lao động chính, mỗi lao động 8 sào. Cách khoán này đã không được đông đảo quần chúng ủng hộ, nên về sau đã khoán theo định suất. Các định suất được xác định theo tuổi. Diện tích đất khoán của mỗi một định suất được tính theo sản lượng mà thông thường nó đạt được. Các định suất đã được xác định như sau:

- Những người từ 1 đến 13 tuổi được hưởng 0,8 định suất
- Những người từ 13 đến 15 tuổi được hưởng 1,0 định suất
- Những người từ 16 đến 55 tuổi (nữ) và 60 tuổi (nam) được hưởng 1,4 định suất.
- Những người trên 55 (nữ) và 60 tuổi (nam) được hưởng 1 định suất.

Vì ở Đường Lâm có nhiều loại đất khác nhau nên chế độ khoán được thực hiện khá công bằng nên mỗi người đều được chia những loại đất khác nhau, trên cơ sở đảm bảo mỗi người đều có thể thu trên 230 kg lúa với các loại cây trồng chính. Với cách khoán như vậy mỗi lao động được chia 1 sào 9 thước, năng suất mỗi sào 84 kgr, trên thực tế có thể trên 110kgr. Ở Mông Phụ gia đình nhận ít ruộng nhất là 1 sào, đó là những gia đình ít người, song những gia đình như thế không nhiều. Với cơ cấu gia đình phổ biến hiện nay là gia đình nhỏ mở rộng, nhiều khi ngoài những thành viên của gia đình nhỏ mở rộng, nhiều khi ngoài những thành viên của gia đình nhỏ còn có ông bà, các em trai và em gái chưa kết hôn chỉ gia đình thường có 4,5 người hoặc hơn. Cho nên không ít gia đình nhận 4,5 định suất hoặc 7,8 định suất ít suất, có gia đình nhận 10, 13 định suất.

Toàn bộ đất canh tác của hợp tác xã được chia thành ba loại, gọi là ba quỹ đất, để khoán theo những mục tiêu khác nhau:

- Quỹ 1, chiếm 70% đất canh tác của hợp tác xã, được coi là quỹ đất cơ bản khoán cho mọi người dùng để sản xuất đảm bảo đời sống.
- Quỹ 2, chiếm 25% đất canh tác của hợp tác xã là đất dùng cho đấu thầu cho những người có khả năng sản xuất kinh doanh, hoa lợi do hợp tác xã thu sử dụng cho các mục đích chung.
- Quỹ 3, chiếm 5% đất canh tác của hợp tác xã là quỹ đất dự phòng dùng để chia cho những người từ nơi khác đến do quan hệ hôn nhân, mới tách hộ hoặc hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Mức khoán được phân bổ theo từng loại đất, vụ mùa năm 1987 hợp tác xã thu từ các hộ nông dân 42% đồng xuân 1988: 35%, năm 1989 = 30% tổng thu hoạch của người nông dân. Năm 1990-1991 thu từ quỹ đất 1=24,4%, từ quỹ đất 2=35%, từ quỹ đất 3, dự phòng 31,4%. Việc thu từ quỹ đất 1 được tính như sau: thuế 12%, thủy lợi:

8,4%, xã hội: 3%. Việc sử dụng khoản thu 3% cho xã hội như sau: 1% cho các công việc quản lý sản xuất gồm cả chi thù lao cho các uỷ viên ban quản trị và những người làm việc cho hợp tác xã, 1,6% cho phát triển sản xuất và cho các công việc khác của hợp tác xã, còn 0,04% để lại quỹ. Ở đây rõ ràng là mức thu từ quỹ đất cơ bản, từ đó người nông dân đảm bảo đời sống đã thấp hơn các loại đất khác; còn quỹ đất 2 mức độ thu có cao hơn nhưng trong thực tế ở Mông Phụ, tính chất kinh doanh của quỹ đất còn thấp. Việc khoán đất dự phòng cũng theo hướng kinh doanh.

Trên những nguyên tắc chung, khoán ở Đường Lâm cũng đã diễn ra phức tạp. Điều đó có thể thấy, việc thực hiện khoán ở đây muộn hơn nhiều nơi khác, do muốn giữ tính chất tập thể của sản xuất, cơ chế làm ăn cũ, lo lắng đến việc giải quyết những vấn đề về xã hội đang đặt ra ngày càng to lớn. Mặt khác, đất đai không nhiều, số dân đã tăng lên đáng kể so với 10 năm trước đây, từ đó khoán thế nào cho hợp lý, phát huy được năng lực sáng tạo của quần chúng nhân dân, đưa sản xuất nông nghiệp địa phương đi vào giai đoạn phát triển mới nhiều lương thực thực phẩm, nhiều sản phẩm hàng hoá là những vấn đề đặt ra cần được giải quyết tốt.

Thực chất khoán là một hình thái mới của quá trình thực hiện người cày có ruộng, nghĩa là có đối tượng sản xuất cụ thể, thường được gọi là gắn người sản xuất với đất đai trong sự phát triển đất nước. Ở thời kỳ hợp tác xã, các vấn đề về sự tham gia quản lý sản xuất cũng luôn được đặt ra những do thông qua nhiều tầng, nhiều nấc của công việc, người nông dân thấy mình gần như bị mất quyền làm chủ đối với sản xuất và đời sống. Hiện nay đất canh tác được giao cho những người nông dân sử dụng lâu dài gọi là khoán trong 15 năm hoặc 2 chu kỳ sản xuất đối với cây dài ngày thì yêu cầu của người nông dân được trực tiếp làm chủ sản xuất và kinh doanh đã được giải quyết hợp lý. Đồng thời mức khoán đối với ruộng đất là 5 năm và sản lượng được tính theo từng loại đất; các loại đất tốt và xấu ở Mông Phụ, Đường Lâm tính theo thứ tự là: đất 2 vụ lúa, đất một vụ lúa một vụ màu, đất một vụ lúa chiêm, đất một vụ màu, đất mạ và các loại đất khác: ao cá, đồi chè, đất chuyên dùng, đất trồng cây lấy gỗ; tất cả 15 loại đất. Sản lượng tính theo từng loại đất khi giao khoán, mức thấp nhất là 50 kg/sào, rồi tăng lên mỗi mức 5kg, cho đến cao nhất 120kg/sào. Sản lượng của mỗi loại đất khoán đã được tính ở mức độ không phải là cao. Bên cạnh đó đối với đất 2 vụ lúa, các loại đất khác thường không tính vào sản lượng khoán. Đất 5% chia cho hộ xã viên thường là đất tốt. Vì vậy trên đất nhận khoán và trên đất phân trăm người ta đều có thể tăng năng suất cây trồng dễ dàng, do đó khả năng chủ động sản xuất kinh doanh một cách cao nhất. Như vậy, khoán đã tạo ra những điều kiện mới để người nông dân tăng thu nhập từ sản xuất có thể nhìn thấy được.

Cùng với khoán đất đai, đồng thời hợp tác xã đã hóa giá các tư liệu sản xuất khác như: máy kéo, ô tô vận tải, máy nghiền thức ăn gia súc, máy bơm nước 250m³/giờ, 800 cái cày, 800 cái bừa, 500 con trâu, 350 con bò. Các hộ nông dân cũng đã sắm thêm công cụ, ngoài 500 bình bơm thuốc trừ sâu đã có những hộ đã

mua máy công nông, một số máy xay xát và nhiều phương tiện vật tư cần cho sản xuất.

Tuy việc thực hiện khoán ở Đường Lâm đã trải qua những bước phức tạp, song quần chúng nông dân đã tiếp nhận chế độ khoán một cách tự giác, cho nên đã vượt qua được nhiều khó khăn. Trong khi khoán 10 mới được thực hiện từ vụ mùa năm 1989, đáng tiếc là trong hai vụ, vụ mùa 1990 và vụ đông xuân năm 1991 đã mất mùa vì sâu bệnh. Một thực tế rất cơ bản là, Đường Lâm cũng như những nơi khác thuộc Hà Tây, đồng bằng Bắc Bộ diện tích canh tác theo đầu người không nhiều mà lại đang giảm xuống: năm 1995, 719m², 1989 chỉ còn 661,4m², trong khi đó bình quân đất lúa theo đầu người ở Hà Nam Ninh 708m², Bình Định: 760m², nên thâm canh là biện pháp chủ yếu để tăng năng suất. Khả năng tăng sản lượng ở đây trước hết là tăng chi phí đầu tư, sức lao động, cải tạo đất và áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật để sản xuất ngày càng có lãi, nghĩa là phần được hưởng từ khoán của người nông dân ngày càng tăng. Đó không phải là việc giản đơn, vì ở nhiều nơi tỷ lệ phần còn lại của xã viên được hưởng chỉ tương ứng với tỷ lệ hao phí lao động sống trong giá thành sản xuất lúa. Ở làng Mông Phụ cũng như ở xã Đường Lâm, việc tính phần sản lượng nhận được của người nông dân mang tính chất lãi còn có khó khăn, vì khoán 10 mới bắt đầu từ 1989 và sau đó lại mất mùa 2 vụ liền, người nông dân cũng chưa thực sự có điều kiện chăm lo tăng năng suất trên đất khoán một cách cụ thể bằng những khả năng riêng của mình. Tuy nhiên ở đây cũng có thể đưa ra một bức tranh chung về thực trạng thu nhập của đồng bào năm 1991 là năm có một vụ mất mùa để bước đầu đánh giá những tiềm năng lao động của người nông dân trên nhiều phương diện của quá trình bước đầu thực hiện chính sách đổi mới ở nông thôn, nhất là khoán 10.

Với truyền thống là cư dân nông nghiệp ở Việt Nam việc trồng lúa nước chiếm vị trí quan trọng hàng đầu: ở bất cứ đâu người nông dân vẫn luôn luôn tìm mọi cách để có lúa ăn quanh năm, mặt khác còn mong muốn có lúa dự trữ cho những lúc mất mùa đói kém. Vì vậy, khi xem xét thu nhập của quần chúng, trước hết phải nói đến lúa.

Thu nhập từ ruộng nhận khoán và đầu trâu năm 1991

Mức thu nhập	%
Dưới 500 kg	10,3
500 - 7000	10,3
700 - 900	12,4
900 - 1100	12,4
1100 - 1500	22,7
1500	32,0

Như vậy mức thu nhập phổ biến của người nông dân Mông Phụ là từ 700 - 1500kg thóc, chiếm 57,5% số hộ. Số hộ thu nhập 1500 kg trở lên cũng chiếm một tỷ

lệ khá lớn, chiếm 32%. Song, thóc chỉ là nguồn chủ yếu nhất của thu nhập, bên cạnh thóc còn thu nhập từ nhiều cây, con khác, trước hết là ngô. ở nước ta, ngô nhiều khi được coi là cây màu lương thực quan trọng, ở nhiều vùng núi lại là lương thực hàng ngày, tuy không có điều kiện phát triển ở Mông Phụ, Đường Lâm, nhưng vẫn được chú trọng trồng.

Thu nhập ngô từ ruộng nhận khoán và đầu thầu năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 50	66,7
50 - 100	16,7
100	16,7

Đáng lưu ý, những năm gần đây ở Mông Phụ, Đường Lâm, sau cây lúa trong các cây màu lương thực người ta chú trọng nhiều đến phát triển cây khoai lang, vì năng suất nó không thấp, lại có thức ăn cho gia súc, việc chăm sóc cây trồng không đòi hỏi nhiều công sức và các phí tổn khác. Trong cơ cấu cây trồng truyền thống của người nông dân trung du, đồng bằng Bắc Bộ lúa, ngô, khoai thì khoai không thể tách khỏi cây trồng khác và chăn nuôi, có thể phát triển trên toàn bộ diện tích ruộng khô vào mùa đông.

Thu nhập khoai lang từ ruộng nhận khoán và đầu thầu năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 100	6,5
100 - 120	23,4
200 - 300	11,7
300 - 400	18,2
400 trở lên	40,3

Cùng với cây khoai lang và có vị trí tương tự như cây khoai lang còn có cây sắn. ở Mông Phụ sắn có diện tích khoảng 15 ha. Sắn có sản lượng khoảng 972 tấn, qui thóc là 15kg/sào. Sắn không chỉ để ăn độn, dùng cho chăn nuôi, còn có thể làm tinh bột dùng để chế biến thực phẩm, nguyên liệu cất glucô. Tuy vậy ở Mông Phụ, Đường Lâm do điều kiện không thuận lợi chỉ phát triển có mức độ nhằm tận dụng đất đồi. Mặt khác cây sắn ở vùng trung du đã được trồng lâu đời gần như cây khoai lang.

Còn cây lạc ở Mông Phụ thường xuyên trồng 70ha với sản lượng hàng năm 70 tấn lạc vỏ. Tuy nhiên lạc chỉ trồng phân tán trong nhân dân, chỉ là nguồn thu nhập phụ của người nông dân, trước đây cũng không trở thành nguồn thu nhập quan trọng đối với hợp tác xã. Năng xuất lạc thường đạt 30-40kg/ 1sào, lạc vỏ 4000đ/1 kg. Nếu một gia đình trồng 3 sào thì nguồn thu nhập phụ của nó cũng khá. Trong khoán 10, lạc vẫn được trồng như trước đây.

Thu nhập lạc từ ruộng khoán (ở Mông Phụ) năm 1991

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 30	5,8
30 - 50	13,8
50 - 70	35,6
70 - 90	13,8
90 - 110	9,2
110 trở lên	28,8

Trong các cây màu lương thực, ở nhiều nơi cây khoai tây đã phát triển nhanh, trở thành nguồn thức ăn quan trọng của nhân dân vào mùa đông và xuân, song ở Mông Phụ, Đường Lâm cây trồng còn rất hạn chế. Diện tích khoảng 37 ha, năng suất 0,81 tấn/ha, sản lượng 29,17 tấn. Nguyên nhân của nó có lẽ là do truyền thống khoai tây trong nhân dân còn thấp, việc bảo quản và chế biến khoai còn kém, mặt khác sự giao lưu hàng hóa giữa các vùng ở Việt Nam còn rất hạn hẹp. Cho nên trong thời vụ giá khoai tây ở miền Bắc rẻ, trong khi đó ở miền Nam giá cao, nhưng lại không được chuyển đi. Trên thực tế, phát triển khoai tây còn đòi hỏi giải quyết tốt các vấn đề về giống, kỹ thuật trồng, và chăm sóc, tập quán sử dụng... Tuy vậy khả năng phát triển khoai tây là rộng lớn.

Thu nhập khoai tây từ ruộng khoán (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 50	2,3
50 - 100	5,6
100 - 150	22,5
150 - 200	10,1
200 - 250	19,1
300 trở lên	36,1

Ở Mông Phụ, Đường Lâm cũng như ở hầu hết nông thôn Việt Nam gia đình nông dân nào cũng trồng rau đậu phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Đậu thường có đậu xanh, đậu đen, đậu trắng. Riêng đậu tương có diện tích 14 ha, năng suất 0,83 tấn, sản lượng 12,8 tấn. Rau đậu cũng được bán ở chợ địa phương và trở thành nguồn thu nhập phụ của từng gia đình.

Thu nhập đậu các loại từ ruộng nhận khoán (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
5 - 10	11,5
10 - 15	17,5

15 - 20	7,9
20 - 25	20,6
25 trở lên	42,9

Thu nhập các loại từ ruộng, đất nhận khoán (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 50	4,5
50 - 100	6,1
100 - 150	18,2
150 - 200	22,7
200 trở lên	38,5

Trong nền kinh tế ở nông thôn, nhất là kinh tế hộ gia đình, chăn nuôi luôn đi liền với trồng trọt, có sự hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Chẳng thế mà một thời kỳ đã nêu ra mục tiêu 2 con lợn trên một héc ta gieo trồng. Nuôi lợn để ngoài thịt, có nguồn phân hữu cơ cho trồng trọt, nhiều sản phẩm trồng trọt lại có điều kiện mở rộng chăn nuôi. Lợn là thành phần quan trọng của VAC (vườn rau, ao cá, chăn nuôi) đang được khuyến khích ở những nơi có điều kiện phát triển. Trong những năm gần đây, do khoán nguồn lương thực thực phẩm tăng lên, lợn là đầu ra của trồng trọt, nuôi lợn đang phát triển với những điều kiện khoa học kỹ thuật mới. Bên cạnh đó, trong cuộc sống ở nông thôn lợn là nguồn thực phẩm không thể thiếu được trong các nghi lễ gia đình, việc sử dụng thịt lợn trong bữa ăn hàng ngày cũng đã tăng lên. Vì vậy, ở nông thôn gia đình nào cũng chú trọng đến việc nuôi lợn.

Thu nhập từ nuôi lợn (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Không chăn nuôi	6,0
100 - 200	3,0
200 - 300	12,0
300 - 400	15,0
400 - 600	0,0
600 - 1000	43,0

Thu nhập từ lợn giống (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Không chăn nuôi	71,0
Dưới 100	11,0
100 - 200	15,0
300 - 400	

Ở Mông Phụ đã xuất hiện những gia đình chăn nuôi giỏi, gia đình ông Nguyễn Văn Lưu là ví dụ. Vào cuối năm 1991 ông bán 1,7 tạ lợn hơi, trong chuồng vẫn còn 7 lợn gồm 5 lợn nhỏ, 2 lợn lớn khoảng 1,7 tạ. Trung bình một lợn từ bé đến lớn một ngày ngoài thức ăn thô còn cho ăn 4 kg cám, sắn và 1 kg ngô. Tuy nhiên việc nuôi lợn vẫn không tách khỏi trồng trọt cho nên ông đã nhận một mẫu ruộng khoán và một ao cá 3 sào, trong đó một nửa ao dùng thả cá và một nửa ao trồng khoai nước cho nuôi lợn. Gia đình thường xuyên làm đậu phụ lấy nước đậu cho lợn ăn. Do có vốn ông Lưu thuê xe tải mua ngô (1200đ/kg) và đậu tương (2800đ/kg) từ xa về, với giá rẻ hơn thị trường địa phương.

Trong chăn nuôi, đàn gia cầm của mỗi gia đình không lớn, nhưng cũng có vị trí quan trọng không thể thiếu. Vì nó gắn với sinh hoạt gia đình (khác, giỗ, tết, các nghi lễ gia đình khác) và cũng là nguồn thu nhập bằng tiền có ý nghĩa khi cần.

Thu nhập từ gia cầm (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Không chăn nuôi	15,0
Dưới 10	11,0
10 - 15	13,0
15 - 20	6,0
20 - 25	13,0
25 - 30	10,0
30 - 50	20,0
50 trở lên	12,0

Về cá thì ở nông Mông Phụ cũng như ở xã Đường Lâm ao không nhiều, chỉ có ở một số gia đình. Trước đây, ở hợp tác xã ở quy mô toàn xã có đội đánh bắt cá ở ven sông Hồng, nay đã giải thể. Hiện nay xã viên còn mong muốn thả thêm một vụ cá ruộng ở ruộng chiêm có tính chất tận dụng: song nhiều vấn đề chưa được giải quyết tốt, nên chưa tận dụng được khả năng đó.

Thu nhập từ cá ao (ở Mông Phụ) năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Không nuôi thả	95,6
100 - 150	2,0
150 - 200	1,0
200 - 300	2,0
300 trở lên	1,0

Ngoài những nguồn thu nhập trên, đồng bào Mông Phụ, xã Đường Lâm đang chú trọng đến sự phát triển các nghề phụ gia đình trên cơ sở mỗi khi đội ngành nghề của hợp tác xã: gạch, mây tre đan, mộc đã giải thể. Tuy là nghề phụ gia đình nhưng nhiều việc làm không chỉ tiến hành vào lúc nông nhàn nữa. Trong các hộ nông nghiệp nhiều người làm nghề đã chuyên để có thể nâng cao chất lượng sản phẩm, việc làm. Thu nhập của gia đình có người làm nghề thường khá.

Thu nhập từ nghề phụ gia đình ở Mông Phụ năm 1991:

Mức thu nhập (kg)	%
Dưới 500.000	46,7
500.000 - 1.500.000	30,0
1.500.000 - 2.000.000	3,3
2.000.000 - 2.500.000	0,0
2.500.000 - 3.000.000	0,0
3.000.000 - 3.500.000	6,7

Trong sản xuất và chăn nuôi các hộ gia đình đã bắt đầu chú trọng mua sắm thêm những vật tư cần thiết, giống tốt. ở đây giống lúa phổ biến là 203, CII, C37 và lợn từ đực ngoại với nái nước ta, chất lượng nói chung chưa cao nhưng có tiến bộ nhiều so với trước. Hiện nay, người nông dân luôn chăm lo đến hiệu quả của lao động, nên càng chú trọng đến đầu tư. Đương nhiên việc đầu tư cho trồng trọt, chăn nuôi phụ thuộc vào khả năng kinh tế từng loại hộ: nghèo, trung bình, khá, giàu.

Mức đầu tư cho trồng trọt theo loại hộ ở Mông Phụ năm 1991:

Mức đầu tư/loại thu nhập (đ)	Hộ nghèo	Hộ trung bình	Hộ khá	Hộ giàu
Dưới 300.000đ	66,7	53,9	20,6	13,3
300.000 - 500.000đ	0	0	0	0
500.000 - 700.000	33,3	46,2	76,4	76,7
700.000 trở lên	0	0	3,0	10,0

Mức đầu tư cho chăn nuôi theo loại hộ ở Mông Phụ năm 1991:

Mức đầu tư/loại thu nhập (đ)	Hộ nghèo	Hộ trung bình	Hộ khá	Hộ giàu
Dưới 300.000đ	83,0	55,6	33,3	12,9
300.000 - 500.000đ	0	0	0	0
500.000 - 700.000	16,7	40,7	60,6	61,3
700.000 trở lên	0	3,7	6,1	25,8

Nếu xem xét về cơ cấu ngành nghề của các nghề phụ gia đình, cái mới còn chưa nhiều, chủ yếu vẫn là các ngành nghề truyền thống. Song ở một số ngành nghề trình độ kỹ thuật ít nhiều đã nâng lên theo sự đòi hỏi của thị trường, nên

trong một số trường hợp người làm nghề giảm đi như nghề mộc, nề. Nhiều ngành nghề chỉ phục vụ trong phạm vi địa phương còn ở trình độ thấp.

Các nghề phụ gia đình ở Mông Phụ:

Nghề	% số hộ
Không làm nghề phụ	37,0
Mộc	28,0
Nề	8,0
Buôn bán nhỏ	24,0
Bốc vác thuê	4,0
Làm đậu phụ	3,0
Vận chuyển thuê	2,0
Nấu rượu	4,0
Thợ điện	3,0
Xay sát	2,0
Chế biến thực phẩm khác (bánh đa nem, tương, mắm)	9,0

Nếu xét về trồng trọt và ngành nghề của làng Mông Phụ tuy còn mang đậm nét tính truyền thống, nhưng cũng đã biến đổi nhất định. Làng Mông Phụ có câu: dưa hấu dưa gang là làng Mông Phụ, trước năm 1942 các loại dưa này được trồng phổ biến là nguồn thu nhập quan trọng để có tiền sưu thuế. Bên cạnh đó còn phổ biến trồng bầu bí, vì thế có quán bầu ở ngay cạnh làng. Các nghề thủ công, đã phát triển nghề làm nón và áo toi năm 1932, nghề dệt vải năm 1935-1936. Tuy nhiên nhiều nghề phụ gia đình một số cây trồng hiện nay không còn. Song cơ cấu cây trồng hiện nay vẫn mang tinh thần truyền thống đậm nét và mang nặng tính chất tự cấp tự túc. Thực ra trong nhiều năm sự phát triển sản xuất - kinh tế của hợp tác xã đã không vượt qua được tính chất tự cấp tự túc, ngược lại nó đã đi vào con đường đó sâu đậm thêm. Trong cơ cấu cây trồng ở Mông Phụ hầu như chưa có cây trồng đem lại sản phẩm hàng hóa đáng kể. Gần đây ở nhiều nơi nước ta, một số nơi tỉnh Hà Tây chú trọng phát triển dâu tằm cho xuất khẩu, người ta tính một sào dâu và một lao động có thể thu nhập bằng một mẫu lúa ở đồng bằng Bắc Bộ, thì ở Mông Phụ còn ít chú ý đến các loại cây đem lại sản phẩm có giá trị cho xuất khẩu. Mỗi giao lưu kinh tế Mông Phụ với bên ngoài còn hạn chế mà chủ yếu trong phạm vi địa phương.

Từ lâu chợ Mía đã hình thành, phát triển dần, ở cạnh chùa Mía. Song, chợ Mía không còn là chợ làng nữa, đã trở thành chợ khu vực nhiều xã trên đường quốc lộ từ thị xã Sơn Tây - Ba Vì. Ở chợ, ngoài những mặt hàng nông sản thủ công nghiệp địa phương còn có lâm sản mang từ xa đến bán vào ngày chợ phiên, chuyển về đồng bằng. Bên cạnh cửa hàng tạp hoá của mậu dịch quốc doanh đang xuống

cấp, nhiều cửa hàng, quầy hàng tư nhân đã mọc lên và mở cửa hàng ngày. Tuy vậy sự giao lưu hàng hoá còn trong phạm vi hẹp. Chẳng hạn đồ gốm Phú Nhi chất lượng thua đồ gốm Vân Canh vẫn bán được, cũng chưa có những cơ sở chế biến thực phẩm ở trình độ khá. Nhưng so với trước đây, những năm gần đây với chính sách đổi mới, chợ đã phát triển hơn trước, có người cho nó đã tăng lên 40 lần. Đó cũng là biểu hiện khởi sắc của kinh tế địa phương có ý nghĩa. Mặt khác, việc giao lưu hàng hoá còn được tiến hành ở thị xã Sơn Tây, đối với một số mặt hàng, nhất là thịt lợn ngon thường bán ở đó. Điều này chỉ ra rằng, nếu chất lượng hàng cao hơn, thị trường sẽ được mở rộng. Đáng tiếc là, chợ chưa được quan tâm xây dựng để có thể trở thành nơi giao lưu hàng hoá thuận tiện hơn.

Mặc dù khoán 10 chỉ mới bắt đầu ở Mông Phụ từ vụ mùa năm 1989, lại bị mất mùa vào vụ mùa năm 1990, vụ chiêm xuân năm 1991, nhưng nhờ tính tích cực sản xuất của quần chúng nhân dân do khoán mở ra, thu nhập của các hộ gia đình đã vượt qua được những thiếu thốn của đói nghèo và đã tăng lên ít nhiều. Ở đây, trong những điều kiện cơ cấu cây trồng chưa thay đổi và tác động của những yếu tố khoa học kỹ thuật chưa bao nhiêu thì sản phẩm hàng hóa chưa vượt qua được một ít nông sản đưa ra thị trường còn hạn chế. Tuy nhiên theo nhận xét của những người lãnh đạo hợp tác xã, trong 321 hộ của làng Mông Phụ có 120 hộ làm ăn khá và giỏi, 171 hộ làm ăn trung bình, 30 hộ làm ăn kém. Các hộ làm ăn giỏi, khá là những hộ trên mức đủ ăn so với mức sống chung ở địa phương, có khả năng kinh doanh trên đất đai canh tác, nghề nghiệp của mình. Những hộ trung bình thường được coi là đủ ăn. Còn những hộ thu nhập kém thường thiếu ăn, cuộc sống nhiều khó khăn. Những nhận xét trên có thể chưa đầy đủ, song là căn cứ vào mức vượt khoán mà điều kiện cho phép, cuộc sống thường ngày ở địa phương có thể nhận thấy, nếu căn cứ vào sự thông báo của cuốn sách: Những vấn đề kinh tế và đời sống qua ba cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở năm 1991 của Nhà xuất bản Thống kê thì căn cứ vào mức thu nhập của 6457 hộ đã điều tra mẫu ở các tỉnh: Hậu Giang, Bình Định, Đắc Lắc, Hà Nam Ninh, Hoàng Liên Sơn, được chia thành 5 loại hộ:

Hộ loại I (hộ giàu) có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng trên 40.000đ.

Hộ loại II (hộ khá) có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng từ 30-40.000đ

Hộ loại III (hộ trung bình khá) có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng 20-30.000đ

Hộ loại IV (hộ trung bình yếu) có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng từ 10-20.000đ

Hộ loại V (hộ nghèo) có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng dưới 10.000đ.

Ở nông thôn hiện nay nói chung những hộ loại giàu và khá (loại I, II) chưa nhiều ở 5 tỉnh được nghiên cứu chiếm 18,4%, hộ loại trung bình khá (loại III): 26,54%, hộ loại trung bình yếu (loại IV): 45,62%, hộ loại nghèo (loại V): 9,44%. Ở Mông Phụ, tỷ lệ các loại hộ cũng tương tự.

Bình quân thu nhập đầu người 1 tháng tính theo số hộ được điều tra ở làng Mông Phụ, xã Đường Lâm.

Thu nhập bình quân đầu người/ tháng		% số hộ
Thu nhập dưới	10.000 đồng	10
Thu nhập từ	10.000 đến 20.000 đồng	56
Thu nhập từ	20.000 đến 30.000 đồng	23
Thu nhập từ	30.000 đến 40.000 đồng hay hơn	11

Ở đây những hộ loại giàu và khá là những hộ có vốn đầu tư cho trồng trọt gắn liền với việc áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật, những hộ có nghề phụ và phương tiện vận chuyển, những hộ có khả năng đầu tư cho chăn nuôi, một số hộ làm dịch vụ, buôn bán có đăng ký hay không có đăng ký. Những hộ buôn bán không có đăng ký thường không khai thật đúng thu nhập của mình, thu nhập từ nông nghiệp có thể không cao, nhưng họ là những hộ loại khá. Trong những hộ có nghề, riêng nghề mộc đã giảm đi vì trình độ nghề nghiệp không đáp ứng được những đòi hỏi thị trường thì những hộ còn lại, gần 10 hộ, việc làm lại nhiều, không chỉ ở địa phương mà còn ở nhiều nơi khác. Họ đã làm ra những mặt hàng có chất lượng cao, tiên công khá. Trong những hộ loại giàu và khá, trước đây cũng đã có cuộc sống khấm khá, nhưng nhiều hộ do cơ chế làm ăn mới nay mới khá lên. Ngược lại, nhiều hộ trước đây thường xuyên thiếu ăn, nay vẫn còn thiếu ăn. Điều đó có thể có nguyên nhân do thực hiện khoán 10 mới bắt đầu; mặt khác, do thiếu vốn và dịch vụ hợp tác xã phục vụ cho sản xuất và kinh doanh cũng còn nhiều mặt hạn chế, người ta chưa phát huy được phương thức làm ăn mới.

Nói đến sản xuất kinh doanh, đó là những vấn đề phức tạp phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: vốn, định hướng sản xuất và kinh doanh thích hợp, kỹ thuật và tổ chức quản lý, thị trường... Mặc dù sản xuất kinh doanh ở Mông Phụ chưa có những chuyển biến thật rõ rệt, song do phát huy tính tích cực của mình, nên thu nhập đã tăng lên. 85% số người được hỏi ở Mông Phụ đều cho đó khoán, nên mức thu nhập có cao hơn trước, 13% cho rằng cao hơn một chút, chỉ có 2% khó trả lời. Những người trả lời ở đây thường là những chủ gia đình, phần lớn họ có trình độ lớp 3-4, lớp 5-7.

Trình độ học vấn các chủ hộ ở Mông Phụ năm 1991:

Không biết chữ	2,0
Biết đọc, biết viết	3,0
Lớp 1-2	8,0
Lớp 3-4	32,0
Lớp 5-7	46,0
Lớp 8-10	6,0
Trung cấp	3,0

Thực ra, trong số những người chủ hộ có trình độ học vấn cấp 1, cấp 2, đa số họ là những người ở độ tuổi 40-60 tuổi trở lên. Đó là những người được học ở thời điểm trước sau khi miền Bắc được giải phóng và trong những năm 60. Nhưng chủ hộ có tuổi 40-45, 45-60 chiếm 69% số chủ hộ được hỏi.

Độ tuổi của các chủ hộ ở Mông Phụ:

Dưới 30	2,0
Từ 30-35	16,2
Từ 35-40	12,1
Từ 40-45	16,2
Từ 45-60	33,3
Từ 60	20,2

Trình độ học vấn của nhân dân là một trong những nhân tố quan trọng để tiếp thu cái mới. Với chế độ khoán, người nông dân luôn chăm lo đến tăng năng suất cây trồng, chăn nuôi có lãi, làm nghề phụ có thu nhập khá thì việc học tập của thanh thiếu niên được tính toán cụ thể hơn trước về mức độ học tập sẽ đạt tới trình độ cao đẳng, đại học, hay trung cấp, công nhân kỹ thuật, cấp 1, 2 hoặc cấp 3. Điều đó phụ thuộc vào khả năng người học và khả năng kinh tế của gia đình. Trước hết, do thiếu nguồn kinh phí từ hợp tác xã cung cấp như trước đây, các lớp mẫu giáo ở nhà máy Đường Lâm đã giảm từ 6 cơ sở năm 1986, còn 2 cơ sở năm 1990, trong đó làng Mông Phụ còn 1 cơ sở; số giáo viên giảm từ 15 xuống 7. Tuy nhiên ngành học phổ thông cấp 1, cấp 2 do các lớp được xây dựng chắc chắn từ trước, riêng trường cấp 2 đã xây dựng kiên cố, giáo viên hưởng lương nhà nước; nên số lớp, số giáo viên về cơ bản vẫn những giữ được số lương trước đây. Năm 1996 có 19 phòng học, 1990 học sinh cấp 1: 920, cấp 2: 470, 69 giáo viên, năm 1990 có 20 phòng học. 1398 học sinh gồm cấp 1: 971 cấp 2: 268 và 67 giáo viên, chỉ có 50 học sinh bỏ học. Trạm xá 12 giường cũng đã được xây dựng và trang bị tốt.

Với những tiến bộ về sản xuất và thu nhập của quần chúng trong những năm gần đây, đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng cũng đang có những đổi mới. Thấy rõ là những đồ dùng trong sinh hoạt gia đình đổi mới. Thấy rõ là những đồ dùng trong sinh hoạt gia đình được sắm sửa ngày càng nhiều ở tất cả các loại hộ: giàu, khá, trung bình, nghèo.

Loại đồ dùng	Hộ nghèo	Trung bình	Khá	Giàu
1. Xe đạp				
- Không có		3,7		
- 1 chiếc	66,7	74,1	54,3	50,0
- 2 chiếc	33,3	14,8	45,7	49,6
- 3 chiếc		7,4		3,1
2. Xe máy				
- Không có	100,0	1000,0	85,7	75,0
- 1 chiếc	0	0	14,3	25,0
3. Đài, radiocasset				
- Không có	50,0	51,9	28,6	15,6
- 1 chiếc	50,0	44,4	65,7	71,9
- 2 chiếc		3,7	5,7	9,4
- 3 chiếc				3,1
4. Tivi				
- Không có	100,0	88,9	57,1	28,1
- 1 chiếc		11,1	42,9	71,9
5. Quạt điện				
- Không có	16,7	7,4	14,3	3,1
- 1 chiếc	16,7	51,9	26,7	9,4
- 2 chiếc	65,7	29,6	54,3	59,3
- 3 chiếc		11,1	5,7	18,8
- 4 chiếc				9,4
6. Tủ lạnh				
- Không có	100,0	96,3	87,1	96,9
- 1 chiếc		3,7	2,9	3,1
7. Máy bơm giếng				
- Không có	100,0	96,3	77,1	56,2
- 1 chiếc	0	3,7	22,9	43,8
8. Máy khoan				
- Không có	83,3	77,8	68,6	50,0
- 1 chiếc	16,7	22,2	31,4	46,9
- 3 chiếc				3,1

Nếu xe đạp, quạt điện, máy khâu trước đây đã được nhiều người sắm sửa thì xe máy, ti vi, tủ lạnh, máy bơm nước mới được sắm sửa trong 1 - 2 năm gần đây. Các phương tiện này là những phương tiện sinh hoạt vật chất, tinh thần, sự đi lại phục vụ cho đời sống nhiều mặt. Trong đời sống tinh thần: ti vi, radiocaxét đang thay thế mang lưới loa truyền thanh ở từng gia đình. Đồng thời cùng với thư viện xã, 7000 cuốn sách, các tủ sách nhỏ của nhiều gia đình đang được chú ý xây dựng.

Từ các quá trình trên đây thì thấy rằng, việc đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, thực chất là xóa bỏ hình thức hợp tác xã mang tính hành chính bao cấp từng bước thực hiện chế độ khoán hộ và ổn định lâu dài diện tích khoán mà hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, phát triển kinh tế hộ gia

đình. Hình thức kinh tế hộ gia đình từ lâu trong quá khứ. Trong lịch sử, ruộng đất công chủ yếu được phân chia theo suất đình. Gần đây khi khoán lúc đầu có chủ trương khoán theo lao động, nhưng cách khoán này không được sự đồng tình rộng rãi, nên sau đã chuyển sang khoán định suất. Chỉ có điều, xưa kia khoán theo suất đình chỉ có nam, có nơi từ 18 đến 54 tuổi, nay định suất ruộng khoán chia cho mọi người với những mức định suất khác nhau. Mặt khác, trong sản xuất cũng như sinh hoạt hàng ngày từ lâu việc thuê mượn nhân công, vay mượn thì hiện nay bên cạnh các hình thức đó vẫn có sự giúp đỡ lẫn nhau mang tính chất đổi công giữa những người gần gũi hoặc cùng ngõ xóm, chơi họ để có tiền thực hiện các việc cần thiết vẫn tồn tại. Điều đó thể hiện tính cộng đồng làng xóm qua nhiều biến đổi vẫn được bảo tồn. Về mặt tổ chức hành chính trong nhiều năm với sự điều hành về mọi mặt của hợp tác xã thì nay làng Mông Phụ chỉ có các đội sản xuất, sau khoán người điều hành làng lại là trưởng thôn.

Trong đời sống tinh thần có hiện tượng là, trong khi đài thu thanh đã đến từng gia đình, có phim trên ti vi nhưng văn nghệ quần chúng, ca hát dân gian vẫn được đồng bào ưa thích. Hàng năm các buổi biểu diễn đã không ít, năm 1985: 28 buổi, 1987: 35, 1990: 50. Quần chúng vẫn mến mộ những cái quen thuộc với mình.

Nếu nhìn một cách tổng thể sự tác động của đổi mới với đời sống kinh tế - xã hội có thể thấy rằng, sự đổi mới mà chủ yếu là thực hiện chế độ khoán 10 đã mở ra cách làm ăn và cách sinh hoạt thích hợp với nguyện vọng, khả năng người nông dân hơn, cho nên người nông dân đã tích cực hưởng ứng chế độ khoán 10, bắt đầu phát triển kinh tế hộ gia đình. Những kết quả ban đầu của việc thực hiện chế độ khoán ở làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, là người nông dân đã phát huy tính chủ động và tích cực của mình trong sản xuất, tổ chức đời sống theo nếp làm ăn có, tuy chưa có những thay đổi lớn về cơ cấu sản xuất, trên cơ sở đó làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Hiện nay những hộ có thu nhập khá là những hộ làm thêm ngành nghề, chăn nuôi, làm dịch vụ (vận chuyển, xay sát) và buôn bán. Tuy nhiên, người ta cũng đang từng bước chuẩn bị đầu tư để mở rộng sản xuất, kinh doanh theo hướng phát triển mới, làm cho lao động có năng suất cao hơn, có sản phẩm hàng hóa.

Song việc thực hiện một cơ cấu sản xuất mới có thể làm sản phẩm hàng hóa ở đây không thể chỉ là công việc của từng hộ gia đình mà là của cả xã và thị xã. Có lẽ xã và thị xã phải là những đơn vị tạo ra phương hướng sản xuất, kinh doanh chung có qui hoạch và các kế hoạch cụ thể, hiện thực, đồng thời tạo ra những điều kiện và khả năng thực hiện chúng có hiệu quả, đẩy mạnh phân công lao động nông thôn, ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, khắc phục dần tình trạng manh mún trong sản xuất, kinh doanh. Trong phương hướng sản xuất, trước hết tạo ra cơ cấu sản xuất mới thích hợp vừa tăng năng suất, sản lượng cây lương thực vừa phát triển các cây trồng đem lại sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao hơn qui mô vùng, tạo vốn, làm cho mọi người đều có thể làm giàu, tăng cường áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật và xây dựng các cơ sở vật chất của sản xuất. Mặt khác, nâng cao trình độ học vấn của nhân dân, làm cho đời sống tinh thần phong phú, xây dựng nông thôn mới về mọi mặt.